

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/DS-PT

Ngày: 03-4-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuần.

Các Thẩm phán:

1. Ông Văn Công Dân.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2018/TLPT-DS ngày 10/12/2018, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 18/10/2018, của Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2019/QĐ-PT ngày 11/02/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Đình N; trú tại: Số nhà 02 đường Đặng Thai M, tổ dân phố ĐH 6, phường ĐH, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc N, nơi cư trú: Số nhà 69 đường Nguyễn Đức C, thành phố BT, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thế V; trú tại: Số nhà 21 đường Văn Tiến D, tổ dân phố ĐH 6, phường ĐH, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn M; địa chỉ: số nhà 376 đường HV, phường AB, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị M, nơi cư trú: số nhà 21 đường Văn Tiến D, tổ dân phố ĐH 6, phường ĐH, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế V; nơi cư trú: số nhà 21 đường Văn Tiến D, tổ dân phố ĐH 6, phường ĐH, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Đặng Thế Nh; vắng mặt.

3. Bà Phan Thị Thanh Th; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: thôn T, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Phan Thị Thanh T; nơi cư trú: số nhà 376 đường HV, phường AB, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Ngọc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Ngọc N trình bày:

Ngày 11/01/2000, ông Hà Đình N có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T 01 lô đất diện tích 443 m² (31 x 14,3m), đất tọa lạc tại thôn ĐH 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là tổ dân phố ĐH 6, phường ĐH, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Việc chuyển nhượng được UBND xã P chứng thực và gia đình ông N đã sử dụng ổn định từ đó cho đến nay. Lô đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông T, cạnh dài 15,5m, phía Tây giáp đường đi, cạnh dài 14,3m, phía N giáp đất ông V, cạnh dài 30m, phía Bắc giáp đất ông BĐ, cạnh dài 30m. Đến ngày 04/5/2006, ông N được UBND huyện K (Nay là thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 973446, thửa đất số 551, tờ bản đồ số 04, diện tích 447 m². Vào tháng 5/2011, ông V xây nhà lán qua đất của ông N chồng lên mương thoát nước, cụ thể lán chiều ngang lô đất của ông N là 0,7m (14,3 x 13,6m). Mặc dù, ông N yêu cầu ông V không được xây nhà lên lô đất của ông N nhưng không có kết quả dẫn đến phát sinh tranh chấp. Ông N đã khiếu nại lên UBND phường ĐH để hòa giải theo quy định của pháp luật. Ngày 20/10/2011, UBND phường ĐH đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Do vậy, ông N đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã B giải quyết buộc ông Nguyễn Thế V phải trả lại diện tích 0,7m x 30m = 21 m².

Tại đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 21/8/2017, nguyên đơn ông Hà Đình N khởi kiện bổ sung đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn M, bởi ông M là người nhận chuyển nhượng một phần đất tranh chấp của ông Nguyễn Thế V, đất có giáp ranh phía sau nhà ông M. Ông N đề nghị ông M phải trả lại diện tích chiều rộng 0,7 x 11m = 7,7 m² đất.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thế V trình bày: Ông Nguyễn Thế V sinh sống trên diện tích đất hiện nay ông V đang ở từ trước năm 1975 cho đến nay. Trong thời gian sinh sống thì ông V có nhiều diện tích đất đã chuyển nhượng cho người khác, còn lại diện tích đất 540 m² tại thửa đất số 730, tờ bản đồ số 04 do UBND thị xã B cấp quyền sử dụng đất ngày 30/10/2009 mang tên ông Nguyễn Thế V và bà Trương Thị M. Tuy nhiên, hiện trạng thửa đất này cũng đang bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 87,1 m², theo trích lục bản đồ địa chính được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và môi trường thị xã B (Nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B đo vẽ ngày 16/5/2012 và tại các lần Tòa án tiến hành đo đạc thực tế. Còn diện tích đất của ông Hà Đình N thì dư so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N. Trước thời điểm ông V được nhà nước cấp quyền sử dụng đất thì ông V đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn M diện tích đất chiều ngang 6m, chiều dài khoảng 22m và chuyển nhượng cho ông Xa Đồng TB diện tích đất chiều ngang 5m, chiều dài khoảng 22m. Tuy nhiên, sau này ông B bị Nhà nước kê biên bán đấu giá nên ông M đã mua trúng đấu giá. Hiện tại, ông M sở hữu toàn bộ diện tích đất có chiều ngang 11m, chiều dài khoảng 22m.

Việc ông N khởi kiện yêu cầu ông V trả lại diện tích đất 14 m² (0,7m x 20m) và ông M phải trả 7,7 m² (0,7 x 11m) như vậy là không đúng, không có cơ sở. Vì ông V là người sống trên đất đó từ năm 1975 cho đến nay. Vào năm 1995, khi phân đất nhà ông V giáp ranh với phần đất nhà ông Nguyễn Văn Th (là bố đẻ của ông Nguyễn Văn T) thì ông V đã xây tường rào được 1/3 diện tích đất (có đồ trụ bê tông cốt sắt cao khoảng 1,7m), bên dưới chân tường rào xây gạch cao khoảng 0,5m đồng thời kéo lưới sắt B40 bên trên cao khoảng 1,6m. Mục đích là để phân biệt ranh giới đất giữa nhà ông V với nhà ông Th. Đến năm 2001, ông N nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của ông T. Sau đó, ông N xây nhà và xây nối tiếp tường rào mà ông V đã xây năm 1995 cho đến hết phần đất mà ông N nhận chuyển nhượng của ông T và sử dụng từ đó cho đến năm 2011 thì ông N tranh chấp, khởi kiện ông V ra Tòa án cho rằng ông V lấn đất. Ông V cũng xác định rằng, trước khi chuyển nhượng đất cho ông M và ông B thì ông V xây tường rào cao khoảng 2m. Sau khi ông M và ông B nhận chuyển nhượng đất của ông M thì chỉ có ông B xây nhà cấp 4 (Sau này ông M mua lại thông qua bán đấu giá) thì ông B có xây nhà lùi vào 0,5m so với tường rào mà ông V xây năm 1995, mục đích là để cho nước mưa thoát. Tuy nhiên, sau này ông N tháo lưới B40, chỉ còn chân tường rào xây gạch cao khoảng 0,5m.

Ông V khẳng định hiện tại đất của ông V vẫn bị thiếu so với diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nhà nước cấp cho ông V. Chính vì vậy,

việc ông N khởi kiện buộc ông phải trả diện tích đất như trên thì ông không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Vào ngày 30/7/2010, vợ chồng ông M có mua trúng đấu giá 01 lô đất diện tích 115 m², đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông V, cạnh dài 23m, phía Tây giáp đất của ông M, cạnh dài 23m, phía Nam giáp đường đi, cạnh dài 5m, phía Bắc giáp đất ông N, cạnh dài 5m. Nguồn gốc đất trên là do ông Xa Đồng TB nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thế V và đã được UBND thị xã B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 19402, thửa đất số 732, tờ bản đồ số 04, diện tích 115 m². Sau khi mua trúng bán đấu giá thì ngày 08/01/2013, UBND thị xã B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 294619, thửa đất số 732, tờ bản đồ số 04, diện tích 115 m² cho vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thị Thanh Th.

Ông M cũng xác nhận rằng, vào ngày 15/11/2009, ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thế V diện tích đất 120 m², đất có tứ cận như sau: Phía Đông giáp phần đất ông mua của ông B, phía Tây giáp đất ông V, phía Nam giáp đường đi, phía Bắc giáp đất ông N. Việc chuyển nhượng là do ông M giao dịch với ông V. Tuy nhiên, do bố mẹ ông M không cho ông M mua đất thêm nên ông M có nhờ vợ chồng ông Đặng Văn N và bà Phan Thị Thanh T (là chị vợ và anh em cột chèo) đứng tên ký hợp đồng chuyển nhượng đất với ông V và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng trên thực tế ông M vẫn quản lý, sử dụng. Đến ngày 09/01/2010, UBND thị xã B đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 194021, thửa đất số 731, tờ bản đồ số 04, diện tích 120 m² mang tên ông Đặng Văn N và bà Phan Thị Thanh T. Nay việc ông Hà Đình N khởi kiện buộc ông M phải trả diện tích đất 7,7 m² (0,7 m chiều ngang x 11m chiều dài) thì ông không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày có nội dung:

- Bà Phan Thị Thanh Th (là vợ ông M) trình bày: Quan điểm của bà Th giống ý kiến của chồng bà là ông Nguyễn Văn M, bà không có ý kiến gì thêm.

- Ông Đặng Văn N trình bày: Giữa ông Nhiệm với ông Nguyễn Văn M là anh em cột chèo. Do là chỗ anh em nên vào ngày 15/11/2009, ông M có nhờ vợ chồng ông Nh đứng tên nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thế V và bà Trương Thị M diện tích 120 m² (6 x 20m). Đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP157025, thửa đất số 731, tờ bản đồ số 04 do UBND thị xã B cấp ngày 30/10/2009, với giá chuyển nhượng là 75.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND phường ĐH, thị xã B chứng thực theo quy định của pháp luật. Sau đó, đến ngày 09/01/2010, thì UBND thị xã B cấp giấy chứng

nhận mang tên vợ chồng ông Đặng Văn Nh và bà Phan Thị Thanh T. Việc vợ chồng ông Nh, bà Th đứng tên giùm vợ chồng ông M, bà Thùy là đúng sự thật. Bởi toàn bộ các giao dịch, tiền chuyển nhượng và quản lý, sử dụng tài sản đều do ông M thực hiện và quyết định, ông không có liên quan gì. Nay biết ông Hà Đình N khởi kiện ông Nguyễn Thế V và ông Nguyễn Văn M mà trong đó có liên quan đến phần đất mà ông M nhờ ông Nh đứng tên thì quan điểm của ông M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông N. Đồng thời, toàn bộ các vấn đề liên quan đến quyền lợi, đất đai của ông M thì ông M là người quyết định, ông Nh chỉ là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giùm ông M. Mọi vấn đề ông M quyết định như thế nào thì ông Nh nghe theo.

Bà Phan Thị Thanh Th (là vợ ông Nh) trình bày: Quan điểm của bà Th giống ông Nh nên bà không trình bày gì thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 18/10//2018 của Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 182, 183, 184, 192, 193, 688 Bộ luật dân sự năm 2005.

Áp dụng các Điều 105, 107 Luật đất đai năm 2003.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Đình N về việc yêu cầu ông Nguyễn Thế V phải trả diện tích đất 0,7m chiều ngang x 20m chiều dài = 14 m², đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông M cạnh dài 0,7m; phía Tây giáp đường Đặng Thai M cạnh dài 0,7m; phía Nam giáp đất ông V cạnh dài 20m; phía Bắc giáp đất ông N cạnh dài 20m và yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải trả 0,7m chiều ngang x 11m chiều dài = 7,7 m² đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông V cạnh dài 0,7m; phía Tây giáp đất ông V cạnh dài 0,7m; phía Nam giáp đất ông M, ông Nh cạnh dài 11m; phía Bắc giáp ông N cạnh dài 11m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/11/2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Ngọc N kháng cáo toàn bộ bản án dân sự số: 16/2018/DS-ST ngày 18/10//2018 của Toà án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Ngọc N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo. Đương sự không ai giao nộp thêm chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá quá trình quản lý, sử dụng đất của các đương sự và xác định các bên không có hành vi lấn chiếm đất. Nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 - Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Ngọc N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Về nguồn gốc đất của ông N là do nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn T có chiều dài 31m, ngang 14,30m (443 m²). Sau khi nhận chuyển nhượng ngày 04/5/2006, ông N được UBND huyện K (Nay là thị xã B), tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 973446, thửa đất số 551, tờ bản đồ số 04, diện tích 447 m². Ông N đã xây nhà trên đất và sử dụng ổn định đến nay. Mặt khác, ông V là người sinh sống trên thửa đất từ trước năm 1975 cho đến nay. Năm 1995, ông V đã xây tường rào được 1/3 diện tích đất (có đổ trụ bê tông, cột sắt cao khoảng 1,7m) chiều cao bên dưới xây gạch 0,5m; đồng thời kéo lưới rào sắt B40 bên trên cao 1,6m để phân biệt ranh giới đất giữa ông V với nhà ông Th (bố ông T). Sau khi ông N nhận chuyển nhượng đất của ông T, thì đã xây tường rào nối tiếp tường rào mà ông V đã xây năm 1995 cho đến hết phần đất mà ông N nhận chuyển nhượng của ông T. Ông N cho rằng, khi xây tường có để chừa 0,7m đất chiều ngang kéo dài hết lô đất là do gia đình ông N làm nghề giá đậu nên để cho nước thải thoát là không phù hợp. Vì tường rào xây kiên cố chỉ có thể là nhằm mục đích xác định ranh giới giữa các thửa đất. Qua các lần đo đạc phần lớn diện tích đất ông N đang sử dụng lớn hơn so với diện tích đất mà ông N đã nhận chuyển nhượng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với diện tích đất của ông M đã được xác định theo tường rào kiên cố các bên đã xây dựng. Vì vậy, có thể xác định rằng, ông V, ông M không có hành vi lấn chiếm đất của ông N. Nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Xét kháng cáo cho rằng, việc diện tích đất đo đạc thực tế của nguyên đơn lớn hơn diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do biến động về chiều dài thửa đất, còn chiều ngang thửa đất thì không đủ so với lúc nhận chuyển nhượng của ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi ông N nhận chuyển nhượng đất của ông T thì các bên chỉ thỏa thuận chiều dài các cạnh mà không lập biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất chuyển nhượng. Không ký giáp ranh đối với các chủ đất, trong quá trình sử dụng ông V không có hành vi lấn chiếm đất liền kề. Nên nội dung kháng cáo này là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Từ các phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Ngọc N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên nguyên đơn ông Hà Đình N phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Ngọc N, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 16/2018/DS-ST ngày 18/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 229, Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 182, 183, 184, 192, 193, 688 Bộ luật dân sự năm 2005; áp dụng các Điều 105, 107 Luật đất đai năm 2003.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Đình N về việc yêu cầu ông Nguyễn Thế V phải trả diện tích đất 0,7m chiều ngang x 20m chiều dài = 14 m², đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông M cạnh dài 0,7m; phía Tây giáp đường Đặng Thai M cạnh dài 0,7m; phía Nam giáp đất ông V cạnh dài 20m; phía Bắc giáp đất ông N cạnh dài 20m và yêu cầu ông Nguyễn Văn M phải trả 0,7m chiều ngang x 11m chiều dài = 7,7 m² đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông V cạnh dài 0,7m; phía Tây giáp đất ông V cạnh dài 0,7m; phía Nam giáp đất ông M, ông Nh cạnh dài 11m; phía Bắc giáp ông N cạnh dài 11m.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Đình N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền người đại diện

theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Phan Ngọc N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005494 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã B;
- CC THADS thị xã B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thuận